

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 25-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần xét xử sơ thẩm rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2017/QĐXXST –HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Quách Thanh P – VPLS Quách P – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Lê Văn A, sinh năm 1960

Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Kim L, bị đơn ông Lê Văn A thống nhất nội dung trình bày: ông bà quen biết và cảm thấy thương yêu nhau và năm 1989, ông bà được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và coi nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung kéo dài đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do ông A uống rượu và gây sự, đánh đuổi bà và các con nên bà ly thân từ đó đến nay.

Nay, ông bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn A đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Kim L.
- Về con chung: có 03 con chung:
 - + Lê Thị Kim Y, sinh năm 1990;
 - + Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1997;
 - + Lê Thị Yến Nh, sinh năm 1998; các con đã thành niên, tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông, bà không ý kiến và yêu cầu nào khác.

Luật sư phát biểu luận cứ bảo vệ cho bà L trình bày: ông A, bà L chung sống và coi nhau là vợ chồng nhưng ông bà không đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình là phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị không công nhận bà L, ông A là vợ chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, về con chung, tài sản chung: không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án hôn nhân gia đình có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập thêm chứng cứ, tài liệu nên được Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục rút gọn được quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Năm 1989, ông A, bà L được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống và coi nhau là vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi cư trú của ông bà để đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù, tại phiên Tòa, ông A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L nhưng không được công nhận. Bà L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn,

Thẩm phán xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận bà L và ông A là vợ chồng.

[3] Về con chung:

+ Lê Thị Kim Y, sinh năm 1990;

+ Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1997;

+ Lê Thị Yến Nh, sinh năm 1998, các con đã thành niên, tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 317; Điều 318; Điều 320 và Điều 321 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị Kim L với ông Lê Văn A là vợ chồng.

Về con chung:

+ Lê Thị Kim Y, sinh năm 1990;

+ Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1997;

+ Lê Thị Yến Nh, sinh năm 1998, các con đã thành niên, tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền bà đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016114 ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Ông Lê Văn A không phải chịu án phí.

Ông A, bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Keo